

Bản án số: 733/2023/DS-PT
Ngày 23 tháng 10 năm 2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu công nhận quyền thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 413/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2505/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960; có mặt.

Địa chỉ cư trú: 28 Allée du Cedres – 94450 Limeil Brévannes, France.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Th: Ông Đỗ Đức Th là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV DEPROS thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1975; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: 16 Avenue Pierre Semard 94200 Ivry Sur Seine, France.

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1976; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1941; vắng mặt.

4. Bà Lê Thị S (chết ngày 06/01/2022)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 17 đường Mậu Th, phường Xuân Kh, Quận Ninh K, thành phố Cần Th.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị S gồm: Ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị Cẩm V, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T, bà H, ông Đ: Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1968; theo Giấy ủy quyền ngày 07/9/2023; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 62/9D đường Trần Việt Ch, phường An H, quận Ninh K, thành phố Cần Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph: Ông Đoàn Văn O là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Tâm T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Th; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Anh Th; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 17, đường Mậu Th, phường Xuân Kh, quận Ninh K, thành phố Cần Th.

Ông Lai Tấn Ph, sinh năm 2000; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 33/3A đường Đề Th, phường An C, quận Ninh K, thành phố Cần Th.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lai Tấn Ph: Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1968; theo Giấy ủy quyền ngày 07/9/2023; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 62/9D đường Trần Việt Ch, phường An H, quận Ninh K, thành phố Cần Th.

Văn phòng công chứng Ngô Hồng Th; xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số HD 8-1 Võ Nguyên Gi, khu vực 2, khu dân cư Nam L, phường Hưng Th, quận Cái R, thành phố Cần Th.

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945; có mặt.

Địa chỉ cư trú: 56/31/4B Trần Ph, phường Cái Kh, quận Ninh K, thành phố Cần Th.

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; có mặt;

Địa chỉ cư trú: 11 Trần Quang Kh, phường Cái K, thành phố Cần Th.

Bà Lê Thị Th, sinh năm 1955; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Nhơn Thọ II, xã Nhơn Á, huyện Phong Đ, thành phố Cần Th.

Ông Trương Văn Ph, sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Nhơn Thọ II, xã Nhơn Á, huyện Phong Đ, thành phố Cần Th.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Th là Nguyên đơn; ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H là Bị đơn; ông Lai Tấn Ph là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo trình bày của ông Nguyễn Văn Th thì: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 287 và thửa đất số 506 tờ bản đồ số 26 do bà Nguyễn Thị Cẩm H, Lê Thị Cẩm T, Lê Thị S, Nguyễn Minh Đ đứng tên được hình thành từ nguồn tiền của ông và nhờ những người này đứng tên hộ, điều này đã được các đương sự thừa nhận tại Vi bằng số 339/2018/VB-TPL ngày 30/8/2018 và Vi bằng số 349/2018/VB-TPL ngày 11/9/2018. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu: (1) Bà Nguyễn Thị Cẩm H và bà Lê Thị Cẩm T trả lại đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 287 tờ bản đồ số 26, diện tích 385,7m² (đo đạc thực tế 392,8m²) theo giấy chứng nhận số BV 956444 (Số vào sổ CH01979) được Ủy ban nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần Th cấp cho bà H và bà T vào ngày 10/11/2014; (2) Ông Nguyễn Minh Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Lê Thị S trả lại nhà và đất thuộc thửa 506, diện tích 112,5m² thuộc tờ bản đồ số 26, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 573327 (số vào sổ H00103) được Ủy ban nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần Th cấp cho ông Đ và bà S vào ngày 01/02/2005; (3) Xem xét lại tính hợp pháp của Di chúc ngày 26/6/2019 do bà Lê Thị S lập để lại tài sản cho ông Lai Tấn Ph.

Bà Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Minh Đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Lê Thị S do ông Nguyễn Văn Th đại diện trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th với lý do không có căn cứ xác định thửa đất 287 và 506 do ông Th nhận chuyển nhượng và nhờ bà T, bà H, ông Đ, bà S đứng tên hộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lai Tấn Ph có yêu cầu độc lập: Đề nghị Tòa án công nhận Di chúc số 07, quyền số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/6/2019 của bà Lê Thị S đối với 1/2 nhà đất tại thửa 506 tờ bản đồ số 26.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 14/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố Cần Th quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th về việc buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T trả lại đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 287 tờ bản đồ số 26, diện tích 385,7m² (đo đạc thực tế 392,8m²), theo giấy chứng nhận số BV 956444 (Số vào sổ CH01979) được Ủy ban nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần Th cấp ngày 10/11/2014. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th về việc buộc ông Nguyễn Minh Đ, và các thừa kế của bà Lê Thị S trả lại nhà và đất thuộc thửa 506, tờ bản đồ số 26, diện tích 112,5m² (đo đạc thực tế

112,5m²), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 573327 (số vào sổ H00103) được cấp ngày 01/02/2005.

Công nhận $\frac{1}{2}$ (Một phần hai tương đương 56,25m²) quyền sử dụng đất và nhà tại thửa 506 tờ bản đồ số: 26, diện tích 112,5m² (đo đạc thực tế 112,5m²), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 573327 (số vào sổ H00103) được cấp ngày 01/02/2005 là thuộc quyền thừa kế theo di chúc của ông Lai Tấn Ph.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/4/2023, ông Nguyễn Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 27/4/2023, ông Nguyễn Th Th là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; dành quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng pháp luật đã gây ra thiệt hại; chấp nhận cho ông Lai Tấn Ph được đăng ký, kê khai, chỉnh lý biến động đối với tài sản được hưởng theo di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: Xác định 02 thửa đất 287 và 506 do bà Lê Thị S, Nguyễn Minh Đ, Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H hiện nay đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông; yêu cầu những người này di dời tài sản trả lại đất cho ông.

Các ông, bà Nguyễn Minh Đ, Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H, Lai Tấn Ph do ông Võ Minh Đ đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2020 theo đúng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; dành cho ông Đ, bà T, bà V quyền khởi kiện yêu cầu ông Th bồi thường thiệt hại do yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng pháp luật và gây ra thiệt hại; chấp nhận cho ông Lai Tấn Ph được đăng ký, kê khai, chỉnh lý biến động đối với tài sản được hưởng theo di chúc; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Vi bằng số 339/2018/VB-TPL ngày 30/8/2018 và Vi bằng số 349/2018/VB-TPL ngày 11/9/2018 do bà Lê Thị S và bà Lê Thị Cẩm T cùng thể hiện nội dung: Toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Hồ Văn C, vợ chồng ông Trần Văn Hào, vợ chồng ông Lâm C là của ông Nguyễn Văn Th; các ông bà Nguyễn Minh Đ, Lê Thị S, Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H chỉ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất hộ cho ông Th. Mặc dù hai bản vi bằng trên sau đó đã bị bà Lê Thị S và bà Lê Thị Cẩm T phủ nhận, nhưng sự thừa nhận của bà S và bà T theo các Vi bằng trên lại phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông bà Nguyễn Thị Th, Lê Thị Cẩm V, Lê Thị Th, Nguyễn Quốc V. Vì vậy, có đầy đủ căn cứ vững chắc xác định quyền sử dụng thửa đất 287 và 506 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Th, hiện do ông Đ, bà S, bà T, bà H đứng tên hộ. Do đó, việc ông Th khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại hai thửa đất trên là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Cẩm V thống nhất với quan điểm của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lai Tấn Ph trình bày:

- Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th: Nguyên đơn cho rằng nguồn tiền dùng để nhận thửa đất 278 và 506 là của mình nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền; toàn bộ quá trình chuyển nhượng đất cũng như giao nhận tiền, vàng đều do bị đơn thực hiện; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do bị đơn đứng tên; Vi bằng do bà Lê Thị S và bà Lê Thị Cẩm T lập cũng đã bị hủy bỏ. Vì vậy, không có chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Văn Th là chủ sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th.

- Về kháng cáo của ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2020 theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; dành cho ông Đ, bà T, bà V quyền khởi kiện yêu cầu ông Th bồi thường thiệt hại do yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng pháp luật; chấp nhận cho ông Lai Tấn Ph được đăng ký, kê khai, chỉnh lý biến động đối với tài sản được hưởng theo di chúc để đảm bảo việc thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph: Thống nhất với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, bà T, bà H, ông Ph.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh mình có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 287 và thửa đất số 506 trong khi các tài sản này do ông bà Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H, Lê Thị S, Nguyễn Minh Đ đứng tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th xuất trình chứng cứ là Vi bằng do bà S và bà T lập cùng ngày 30/8/2018 để cho rằng tài sản tranh chấp là do ông gửi tiền về mua và nhờ bà S, ông Đường đứng tên hộ, tuy nhiên cả hai Vi bằng này đã bị bà S và bà T phủ nhận tại Vi bằng ngày 28/12/2018, vì vậy Vi bằng lập ngày 30/8/2018 không có giá trị chứng minh nên không phải là chứng cứ của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Văn Th, Nguyễn Minh Đ, Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H, Lai Tấn Ph nộp trong thời hạn, đúng pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt nhưng thuộc trường hợp đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo của các đương sự như sau:

Ngày 06/12/1998, hộ gia đình bà Lê Thị Cẩm T nhận chuyển nhượng của ông Lâm C và bà Nguyễn Thị Bạch T diện tích 237,5m² số 17 đường Mậu Th với giá 256.000.000 đồng.

Ngày 16/12/1999, ông Trần Văn H chuyển nhượng cho ông Lê Hoàng H 132m² liên kề số 17 đường Mậu Th với giá 210.000.000 đồng. Nguồn gốc diện tích đất này do ông H nhận chuyển nhượng từ ông C, bà T. Tại Tờ trình ngày 04/3/2022, ông Lê Hoàng H trình bày sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông H thì ông H chuyển nhượng lại cho gia đình ông Nguyễn Minh Đ cũng với giá 210.000.000 đồng, số tiền này do ông Đ trả.

Ngày 26/11/2002, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W176987 đối với diện tích đất sử dụng thực tế là 385,7m² (thửa 286 có diện tích 235,7m² và thửa 287 có diện tích 150m²) cho hộ bà Lê Thị Cẩm T gồm: Ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Anh Th, bà Lê Thị Cẩm T và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Ngày 17/9/2014, ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Anh Th lập hợp đồng công chứng tặng cho bà Lê Thị Cẩm T và bà Nguyễn Thị Cẩm H thửa đất 286 và 287 nêu trên với tổng diện tích đất là 385,7m² (gồm 235,7m² đất vườn và 150m² đất thổ cư). Ngày 11/10/2014, bà Lê Thị Cẩm T và bà Nguyễn Thị Cẩm H được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01979.

Ngày 30/8/2018, tại địa chỉ số 17 đường Mậu Th, phường Xuân Kh, quận Ninh K, thành phố Cần Th, trên cơ sở yêu cầu của bà Lê Thị Cẩm T, Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư tiến hành lập Vi bằng số 339/2018/VB-TPL ghi nhận nội dung trình bày của bà Lê Thị Cẩm T dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Th như sau: *“Tôi xác nhận rằng toàn bộ số tiền dùng để nhận chuyển nhượng thửa đất tọa lạc tại đường Mậu Th, phường Xuân Kh, quận Ninh K (thửa đất 287 tờ bản đồ số 26) căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số phát hành BV 956444, vào sổ cấp GCN: CH 01979 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Th cấp ngày 10/11/2014 toàn bộ là từ nguồn tiền của ông Nguyễn Văn Th, lý do vào thời điểm chuyển nhượng thửa đất này ông Th không đủ điều kiện đứng tên giấy chứng nhận nên tôi và bà Hường có đứng tên thay cho ông Th trên giấy chứng nhận, tôi sẽ chuyển quyền sử dụng tài sản này lại cho ông Th mà không đòi hỏi bất kỳ chi phí nào khác”*. Vi bằng được lập theo đúng quy định pháp luật, có ký tên xác nhận của bà Lê Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn Th. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2018, bà Lê Thị Cẩm T yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư lập Vi bằng số 526/2018/VB-TPL với nội dung: *“... Theo yêu cầu anh Th xác nhận Vi bằng cho anh Th, anh Th sẽ hứa là sang tiệm kinh doanh vàng bạc ở Pháp cho tôi, nay anh Th không có thực hiện theo cái lời thỏa thuận đó, nay tôi lập Vi bằng lại để hủy bỏ Vi bằng trước tôi đã ký... đồng thời xác nhận nhà 17 Mậu Thân là của tôi chứ không của tiền ai gửi về hết”*. Vi bằng được lập không có sự tham gia của ông Nguyễn Văn Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, tại Biên bản làm việc ngày 12/11/2019, bà Lê Thị S xác nhận: *“Tài sản là nhà đất tọa lạc tại số 17 đường Mậu Th, phường Xuân Kh, thành phố Cần Th có diện tích 385,7m² thuộc thửa 287 là của ông Nguyễn Văn Th gửi tiền về mua, vì vậy tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”*.

Tại Vi bằng số 71/2022/VB-TPL, 72/2022/VB-TPL, 73/2022/VB-TPL, 74/2022/VB-TPL lập cùng ngày 09/02/2022 tại Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư của những người làm chứng gồm bà Lê Thị Thế (là người giúp việc nhà cho bà S trong 38 năm), bà Lê Thị Cẩm V (con ruột của bà S), ông Nguyễn Quốc Việt (nguyên là cán bộ địa chính phường Xuân Kh) thể hiện nội dung: Xác nhận thửa đất 287 do ông Th bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng và nhờ ông Đ, bà S, bà T, bà H mua và đứng tên hộ.

Tại Bản tự khai ngày 10/10/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Quốc V, nguyên là cán bộ địa chính phường Xuân Kh trình bày: *“Năm 1998, khi thỏa thuận mua, ông Nguyễn Minh Đ chưa có tiền giao cho gia đình ông Lâm C và bà Nguyễn Thị Bạch T, đợi con về mới trả tiền cho ông Lâm C. Lúc đó tôi mới biết anh Nguyễn Văn Th là con bà Lê Thị S và sau đó mới mua thêm phần đất cạnh nhà số 17 của ông*

Trần Văn H (em ruột của bà Nguyễn Thị Bạch T).... Việc mua bán nhà đất tại số 17 và đất cạnh số 17 đường Mậu Th, phường Xuân Kh là do ông Nguyễn Minh Đ đứng mua nhưng tiền và vàng là do ông Nguyễn Văn Th từ Pháp mang về để trả cho ông Lâm Cuội, bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết và ông Trần Văn Hào. Vào thời điểm năm 1998, gia đình ông Đường, bà S, bà T, bà Hường không có khả năng mua lại căn nhà và đất trên”. Đồng thời, bà Lê Thị Thế là người giúp việc nhà cho gia đình bà S, ông Đường và ông Trương Văn Phúc (con của bà Thế) xác nhận số tiền vàng mà ông Đường, bà S nhận chuyển nhượng đất số 17 Mậu Thân là của ông Th, gia đình ông Đường không có khả năng để mua vì không có tiền.

Bên cạnh đó, tại Biên bản làm việc lấy lời khai của những người làm chứng vào ngày 03/10/2023 do luật sư Đỗ Đức Thiện thuộc Công ty TNHH MTV Depros - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội thu thập gồm: Bà Tạ Thanh Hương, ông Nguyễn Văn Tám, bà Lý Thị Ngọc Em, bà Lê Thị Phải, bà Trần Thị Mẫn, ông Nguyễn Văn Châu, là những người sinh sống tại đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, xác định: Tại thời điểm ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị S nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Cuội, bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết và ông Lê Hoàng Hiệp thì ông Đường, bà S làm nghề bán mắm, thu nhập không cao, chỉ đủ trang trải cuộc sống hằng ngày; các con là bà T, bà Hường còn nhỏ; trong khi đó số tiền dùng để nhận chuyển nhượng đất của ông Cuội, bà Tuyết, ông Hiệp là khoảng gần 100 lượng vàng thì gia đình bà S không thể có; toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng đất là của ông Nguyễn Văn Th đưa cho ông Nguyễn Minh Đ để trả cho người chuyển nhượng đất.

Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá các tài liệu trên như sau: Mặc dù tại Vi bằng số 526/2018/VB-TPL ngày 28/12/2018 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Cẩm T tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng việc hủy bỏ Vi bằng số 339/2018/VB-TPL ngày 30/8/2018 là do ông Th bội tín, không giao cho bà T tiệm kinh doanh vàng ở Pháp. Tuy nhiên, sự việc xác nhận đứng tên hộ nhà đất cho ông Th của bà T không liên quan tới việc ông Th hứa sang cho bà T tiệm vàng ở Pháp, nên lý do bà T đưa ra để hủy Vi bằng lập ngày 30/8/2018 trong trường hợp này là không hợp lý.

Như vậy, lời khai của những Người làm chứng hoàn toàn phù hợp với nội dung của Vi bằng số 339/2018/VB-TPL do bà Lê Thị Cẩm T lập ngày 30/8/2018 và cũng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình bà Lê Thị S tại thời điểm xác lập giao dịch nhận chuyển nhượng thửa đất trên, đồng thời các đương sự cũng không chứng minh được nguồn tiền sử dụng để nhận chuyển nhượng thửa đất 287 nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thửa đất 287 (hợp nhất từ thửa 286 và thửa 287) được ông Đường nhận chuyển nhượng từ nguồn tiền, vàng của ông Nguyễn Văn Th; còn bà Lê Thị S, ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T chỉ là người đứng tên hộ ông Th trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2.2] Đối với thửa đất 506 thuộc tờ bản đồ số 26, diện tích 112,5m²:

Hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất 506 có nguồn gốc do ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị S nhận chuyển nhượng của ông Hồ Văn Cư và bà Nguyễn Thị Th vào ngày

06/8/1999 với giá 11,2 lượng vàng. Ngày 01/02/2005, Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị S.

Ngày 11/9/2018 tại Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư, bà Lê Thị S lập Vi bằng số 349/2018/VB-TPL dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Cẩm T có nội dung: *“Tôi xác nhận rằng, toàn bộ số tiền dùng để nhận chuyển nhượng thửa đất tọa lạc tại đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (thửa đất số 506 tờ bản đồ số 26) toàn bộ là tiền của ông Nguyễn Văn Th, ông Th mới là chủ sử dụng thực sự của tài sản này, tôi và chồng tôi là ông Nguyễn Minh Đ chỉ đứng tên thay ông Th, chúng tôi cam đoan. chuyển trả lại tài sản này cho ông Th mà không đòi hỏi bất cứ chi phí nào”*. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2018, theo yêu cầu của ông Nguyễn Th Thanh, Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư lập Vi bằng số 527/2018/VB-TPL có nội dung bà Lê Thị S xác định lại thửa đất 506 do bà tự bỏ tiền mua, không phải của ông Th. Vi bằng này không có sự chứng kiến của ông Th và bà T.

Ngày 09/02/2022, theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th (người chuyển nhượng thửa đất 506 cho ông Đường, bà S), Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư lập Vi bằng số 73/2022/VB-TPL có nội dung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Hồ Văn Cư chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh Đ thửa đất 506 với giá 09 lượng vàng, số vàng do con là ông Nguyễn Văn Th gửi về.

Tại Bản tự khai ngày 10/10/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Th trình bày: *“... Do hoàn cảnh khó khăn nên có nhượng lại phần đất cho ông Nguyễn Minh Đ, khi mua ông Đ không có tiền vàng, sau thời gian thì ông Nguyễn Văn Th từ bên Pháp về thì ông Đ và ông Th vào nhà trả tiền cho tôi, lúc đó tôi mới biết là ông Nguyễn Văn Th mang 09 cây vàng về trả cho tôi, còn ông Đ lúc đó không có tiền”*.

Như vậy, lời khai của người chuyển nhượng thửa đất 506 cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị S là bà Nguyễn Thị Th và ông Hồ Văn C phù hợp với nội dung của Vi bằng số 349/2018/VB-TPL ngày 11/9/2018 do bà Lê Thị S lập. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà S cho rằng bà S bị ông Nguyễn Văn Th lừa dối, cưỡng ép ký vào Vi bằng số 349/2018/VB-TPL ngày 11/9/2018 nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó Vi bằng được lập đúng trình tự luật định và có sự chứng kiến của bà Lê Thị Cẩm T; đồng thời, ông Đ và bà S cũng không chứng minh được nguồn tiền sử dụng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Th, ông C. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận lời khai của ông Đ và bà S.

Với chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định thửa đất 506 được ông Đ, bà S nhận chuyển nhượng của ông C, bà Th bằng tiền vàng của ông Th; và đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2.3] Trên cơ sở nhận định, phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy các tình tiết khách quan trong vụ án tương tự tình huống theo Án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên áp dụng để giải quyết trong trường hợp này như sau:

Tuy ông Nguyễn Văn Th là người bỏ tiền ra để nhận chuyển nhượng thửa đất 287 và 506 nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị S, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H nên cần xác định ông Đ, bà S, bà T, bà H có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị đất. Tại Vi bằng số 349/2018/VB-TPL ngày 11/9/2018 và Vi bằng số 339/2018/VB-TPL ngày 30/8/2018, bà Lê Thị S và bà Lê Thị Cẩm T đều tự nguyện trả lại đất cho ông Nguyễn Văn Th khi ông Th yêu cầu và không đòi hỏi bất cứ chi phí nào khác. Hiện nay, bà S đã chết, còn bà T thì đã định cư ở Pháp. Vì vậy, số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất còn lại sau khi trừ đi khoản tiền ông Nguyễn Văn Th bỏ ra nhận chuyển nhượng đất thì ông Th được nhận $\frac{1}{2}$ và nhận phần của bà Lê Thị S, bà Lê Thị Cẩm T đồng ý trả lại toàn bộ theo Vi bằng đã lập; phần còn lại được thanh toán cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn Th đã hồi hương, có quốc tịch Việt Nam và đủ điều kiện để đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, cần giao nhà đất tại số 17 đường Mậu Th cho ông Th, ông Th có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất cho bị đơn; hoàn trả công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị đất cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 31/5/2022: Quyền sử dụng thửa đất 287 và 506 có giá trị 42.359.210.000 đồng; tài sản trên đất có giá trị 1.292.400.600 đồng.

Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền, vàng mà ông Th đưa cho ông Đ, bà S để nhận chuyển nhượng thửa đất 287 và 506 là: 11,2 lượng vàng tương đương với số tiền 53.760.000 đồng (theo giá vàng Nhà nước công bố tại thời điểm giao dịch vào tháng 8/1999 là 4.800.000 đồng/1 lượng) + 210.000.000 đồng + 256.000.000 đồng = 519.760.000 đồng. Số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được xác định: 42.359.210.000 đồng - 519.760.000 đồng = 41.839.450.000 đồng/2 = 20.919.725.000 đồng/4 = 5.229.931.000 đồng (làm tròn). Như vậy, ông Nguyễn Văn Th phải hoàn trả giá trị công sức cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H, mỗi người là 5.229.931.000 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Th còn phải hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Đ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S, bà T, bà H với số tiền là 1.292.400.600 đồng.

Do xác định bà Lê Thị S chỉ đứng tên quyền sử dụng đất hộ cho ông Nguyễn Văn Th nên việc bà S lập Di chúc để lại một phần thửa đất 506 cho ông Lai Tấn Ph là không đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phú về việc công nhận di chúc do bà S để lại.

[4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Th là có căn cứ nên chấp nhận; quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Với các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph do ông Võ Minh Đ đại diện và sửa bản án sơ thẩm theo hướng như đã phân tích nêu trên.

[7] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Th đồng ý tự nguyện chịu chi phí thẩm định giá và lệ phí ủy thác tư pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lai Tấn Ph phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Minh Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lai Tấn Ph do ông Võ Minh Đ đại diện và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Th.

- Áp dụng: Điều 166, Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 287 tờ bản đồ số 26, diện tích 385,7m² (đo đạc thực tế là 392,8m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BV 956444; sổ vào sổ CH 01979 được Ủy ban nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần Th cấp ngày 10/11/2014.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 506, tờ bản đồ số 26, diện tích 112,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 573327; vào sổ số H00103 được cấp ngày 01/02/2005.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Th hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Minh Đ, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị S (ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị Cẩm V, Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H), bà Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H với số tiền 1.292.400.600 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn Th trả cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H tiền công sức bảo quản, giữ gìn làm tăng giá trị đất, mỗi người là 5.229.931.000 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Minh Đ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị S (ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị Cẩm V, Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H), bà Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H, bà Nguyễn Thị Anh Th phải giao trả nhà đất tại thửa đất số 287 và thửa đất số 506 thuộc tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại phường Xuân Kh, quận Ninh K, thành phố Cần Th cho ông Nguyễn Văn Th sau khi ông Nguyễn Văn Th thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền.

4. Ông Nguyễn Văn Th được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lai Tấn Ph về việc đề nghị được công nhận quyền thừa kế đối với một phần diện tích đất thuộc thửa 506 tờ bản đồ số 26 theo Di chúc do bà Lê Thị S lập ngày 26/6/2019, số công chứng 08, Quyển số 01/2019/TP/CC/SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ngô Hồng Th lập.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th chịu tiền chi phí thẩm định giá là 73.006.000 đồng và lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Th đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định giá và lệ phí ủy thác tư pháp.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 001035 ngày 02/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Th, ông Th được nhận lại số tiền 46.550.000 đồng. Ông Nguyễn Minh Đ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị S (ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Cẩm H), bà Lê Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm H, mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Lai Tấn Ph phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào Biên lai thu số 0000439 ngày 09/11/2022 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cần Th.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001767 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cần Th. Ông Lai Tấn Ph phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 0000603 ngày

28/4/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cần Th. Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 0001893 ngày 13/7/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cần Th. Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 0000604 ngày 28/4/2023 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cần Th. Ông Nguyễn Minh Đ được miễn án phí án phí dân sự phúc thẩm.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND thành phố Cần Th;
- VKSND thành phố Cần Th;
- Cục THADS thành phố Cần Th;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP; NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường